

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HS-ST
Ngày 07 - 02 - 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Lâm và ông Lê Đức Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2017/HSST, ngày 28/11/2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, tên gọi khác: “X”; sinh ngày 10 tháng 8 năm 1963 tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe ô tô; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Trương Thị G và có 06 người con; tiền sự, tiền án: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 13/9/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: anh Ngô Phước H, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; bị thương tích tỉ lệ 85% không thể tham gia tố tụng tại phiên tòa, có ông Ngô Phước H1, sinh năm 1968 là cha đẻ của anh H đại diện; ông H1 có mặt.

- Bị đơn dân sự (đồng thời là người làm chứng): bà Trương Thị G, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (là vợ của bị cáo Nguyễn Văn T); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 0 giờ 30 phút ngày 13/11/2016, Nguyễn Văn T (có giấy phép lái xe hạng B2), trực tiếp điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 75K-ABCD (xe do bà Trương Thị G là vợ của bị cáo đứng tên chủ sở hữu), lùi xe từ trong nhà bị cáo ra đường A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong khi T điều khiển xe ô tô lùi ra đường có bật tín hiệu và có bà Trương Thị G đứng phía sau bên phải thành thùng xe để quan sát. Tại vị trí bị cáo T lùi xe thì tầm nhìn bên phải, bên trái bị che khuất bởi hai bức tường rào. Lúc này, có anh Ngô Phước H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75K1-EFL.KG chạy từ hướng đường Quốc lộ 1 đến thiếu chú ý quan sát nên đã đâm vào đuôi xe ô tô 75K-ABCD do bị cáo T đang điều khiển lùi gây ra tai nạn. Hậu quả anh Ngô Phước H bị thương nặng, hai phương tiện bị hư hỏng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường hướng đường Quốc lộ 1 đi Tổ dân phố A xác định:

Đoạn đường xảy ra tai nạn thẳng, mặt đường rải bê tông bằng phẳng, rộng 5,6 m. Hai bên đường có nhiều nhà dân sinh sống. Tại hiện trường phát hiện có một đám vết cày xước mặt đường không thẳng hàng, không liên tục, kích thước (8,4x 0,01) m, có chiều hướng Quốc lộ 1 - Tổ dân phố A (chợ C), điểm đầu cách mép đường bên phải theo hướng khám nghiệm 2,53 m, điểm kết thúc là vị trí xe mô tô 75K1-EFL.KG (vị trí số 1). Cách điểm đầu vị trí số 1 về phía Tổ dân phố A (chợ C) 8,4 m trên nền bê tông xi măng bên ngoài mép đường bên phải là vị trí trục bánh sau xe mô tô 75K1-EFL.KG. Xe mô tô trong tình trạng ngã nghiêng bên trái, đầu xe quay về hướng Quốc lộ 1, đuôi xe quay hướng Tổ dân phố A (chợ C), trục bánh trước và bánh sau lần lượt cách mép đường bên phải 0,8 m và 0,3 m. Cách điểm đầu vị trí số 1 về phía chợ C 1,2 m trên nền đường có một đám vỡ màu đen, kích thước (0,5 x 0,4) m, trung tâm đám mảnh vỡ cách mép đường bên phải 3,4 m (vị trí số 2). Cách trung tâm vị trí số 2 về phía chợ C 4,2 m trên mặt đường có một đám chất dịch màu nâu đỏ, không rõ hình, kích thước (0,6 x 0,5) m, trung tâm đám chất dịch màu nâu đỏ cách mép đường bên phải 0,4 m và cách trục bánh trước xe mô tô 75K1-EFL.KG là 03 m (vị trí số 3). Cách điểm đầu vị trí số 1 về phía Tổ dân phố A (chợ C) 3,1 m là vị trí trục bánh sau xe ô tô 75K-ABCD. Xe ô tô đang trong tình trạng đậu đỗ, đầu quay về phía nhà của bị cáo T, đuôi xe quay về tìm đường Tổ dân phố A, trục bánh trước bên trái nằm trên đường vào nhà bị cáo, cách mép đường bên trái 4,17 m, trục bánh sau bên trái nằm trên đường Tổ dân phố A; cách mép đường bên trái 0,1 m và cách mép đường bên phải 5,5 m. Trục bánh trước bên phải cách mép đường bên trái 4,6 m, trục sau bên phải cách mép đường bên trái 0,5 m và cách mép đường bên phải 6,1 m. Công nhà bị cáo T tại vị trí bị cáo điều khiển xe ô tô 75K-ABCD lùi ra đường rộng 3,25 m, hai bên phải, trái là vách tường ngăn cao 1,9 m. Xe ô tô 75K-ABCD tại thời điểm khám nghiệm hiện trường có hệ thống đèn chiếu sáng phía trước của xe đang hoạt động (đèn sáng), đèn báo hãm, báo rẽ trái, phải đang hoạt động.

Kết quả khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông xác định:

Xe ô tô 75K-ABCD: Đèn báo hãm, đèn xi nhan phía sau bên trái bị vỡ hỏng; khung kim loại bảo vệ đèn báo hãm, đèn xi nhan phía sau bên trái bị trầy xước, móp méo, bung vỡ có chiều hướng từ trái sang phải, bám dính vải sợi màu xanh, kích thước (0,5 x 0,2 x 0,16) m, cách mặt đất 0,75 m.

Xe mô tô 75K1-EFI.KG: Phần nhựa đầu xe phía trước vỡ hỏng hoàn toàn; các thanh kim loại, mặt nạ phía trước đầu xe bị trầy xước, vỡ hỏng hoàn toàn; các thanh kim loại gắn giữ bình điện phía trước đầu xe bị trầy xước, gãy hỏng dồn về phía sau; bình điện bị hấn lún dồn về phía sau; hệ thống đèn chiếu sáng, đèn báo rẽ phải, trái phía trước bị vỡ hỏng hoàn toàn; dè chắn bùn phía trước bị trầy xước; tay cầm lái phía trước bên trái bị trầy xước kim loại phía đầu mút; tay phanh bên trái bị mài mòn kim loại phía đầu mút; đầu xe bị dồn về phía sau; mang chắn bùn bên trái bị trầy xước, bung vỡ phía trước có bám dính sơn màu xanh; phần nhựa của thân xe từ trước ra sau, bên trái và bên phải bị bung vỡ; mang chắn bùn bên phải bị vỡ hỏng, trầy xước; mặt ngoài bộ phận giảm thanh bị trầy xước nứt vỡ; mặt ngoài của chân chống giữa bên trái bị trầy xước, mài mòn kim loại; gác chân sau bên trái bị mài mòn kim loại.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 237-17/TgT ngày 29/8/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Thừa Thiên Huế giám định và kết luận về tỉ lệ tổn thương cơ thể của bị hại Ngô Phước H như sau: “1. Dấu hiệu chính qua giám định: đa chấn thương sọ não/chấn thương gãy xương đòn phải, xương đùi trái/chấn thương vỡ bàng quang đã điều trị ổn định, hiện tại di chứng sọ não, liệt 1/2 người phải, ảnh hưởng vận động chân trái và hậu môn nhân tạo: 85%. 2. Tỉ lệ tổn thương cơ thể là 85% (Tám mươi lăm phần trăm).

Ngày 16/8/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế đã kết luận xác định giá trị thiệt hại về tài sản đối với xe ô tô 75K-ABCD là 2.650.000 đồng; xe mô tô 75K1-EFI.KG là 8.125.000 đồng.

Về phân trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T cùng với vợ là bà Trương Thị G đã thỏa thuận với ông Ngô Phước H1 (cha đẻ của bị hại Ngô Phước H) thống nhất bồi thường các khoản chi phí điều trị cho anh H với tổng số tiền là 301.500.000 đồng. Bị cáo T và bà G đã giao cho ông Ngô Phước H1 nhận 201.500.000 đồng; số tiền còn lại 100.000.000 đồng hai bên thỏa thuận vợ chồng bị cáo T sẽ tiếp tục bồi thường cho anh Ngô Phước H mỗi tháng 10.000.000 đồng kể từ tháng 12/2017 cho đến khi trả hết số tiền này. Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc với bị cáo Nguyễn Văn T và ông Ngô Phước H1. Qua làm việc ông H1 thừa nhận đã nhận thêm 20.000.000 đồng của bị cáo T giao. Số tiền còn lại 80.000.000 đồng bị cáo T và ông H1 tự nguyện thỏa thuận bị cáo T sẽ giao cho ông H1 nhận thay cho anh H vào 02 đợt: đợt 1 bị cáo T giao cho ông H1 40.000.000 đồng vào ngày 30/4/2018; đợt 2 bị cáo T giao cho ông H1 40.000.000 đồng vào ngày 30/8/2018.

Về vật chứng: cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tạm giữ 01 xe ô tô 75K-ABCD cùng giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận bảo hiểm của xe; 01 xe mô tô 75K1-EFI.KG và giấy chứng nhận đăng ký xe; giấy phép lái xe hạng A1, B2 mang tên Ngô Phước H; giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Nguyễn Văn T. Ngoài ra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng do Nguyễn Văn T tự nguyện giao nộp để đảm bảo cho việc bồi thường dân sự.

Ngày 22/3/2017 và ngày 10/11/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe ô tô 75K-ABCD cùng giấy chứng nhận bảo hiểm của xe và xe mô tô 75K1-EFI.KG cho chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp. Trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho Nguyễn Văn T để bồi thường dân sự.

Ngày 22/11/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô 75K-ABCD và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 75K1-EFI.KG cho chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp.

Hiện còn tạm giữ giấy phép lái xe của Nguyễn Văn T và giấy phép lái xe của Ngô Phước H.

Tại Cáo trạng số 49/QĐ-KSĐT ngày 28/11/2017, của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố Nguyễn Văn T về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P giữ nguyên quyết định truy tố theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 202; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng.

Về vấn đề dân sự trong vụ án đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa ông Ngô Phước H1 là cha đẻ của người bị hại với bị cáo. Về án phí hình sự sơ thẩm đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án: Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T về diễn biến của vụ tai nạn giao thông đường bộ là phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết quả khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn, kết luận giám định pháp y tổn thương cơ thể và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ

sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Vào khoảng 0 giờ 30 phút ngày 13/11/2016 tại đường A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; bị cáo Nguyễn Văn T có giấy phép lái xe ô tô hạng B2, trực tiếp điều khiển xe ô tô 75K-ABCD lùi từ trong nhà bị cáo ra đường A trong điều kiện tầm nhìn hai bên phải, trái bị che khuất bởi tường rào cao 1,9 m; cùng lúc đó có anh Ngô Phước H điều khiển xe mô tô 75K1-EFI.KG chạy từ hướng đường Quốc lộ 1 đến đã va chạm vào phía sau đuôi xe ô tô 75K-ABCD làm xảy ra tai nạn. Hậu quả, anh Ngô Phước H bị thương nặng được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện, qua giám định của Trung tâm pháp y tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận anh H bị tổn thương cơ thể tỉ lệ 85%. Cả hai phương tiện xe ô tô 75K-ABCD và xe mô tô 75K1-EFI.KG bị hư hỏng, giá trị thiệt hại tổng cộng 10.775.000 đồng.

Xét nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn, tính chất lỗi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn giao thông do lỗi hỗn hợp của bị cáo Nguyễn Văn T và bị hại Ngô Phước H cùng gây ra. Trong đó, lỗi của bị cáo T là điều khiển xe ô tô 75K-ABCD lùi trong điều kiện không đảm bảo an toàn do bị che khuất về tầm nhìn, đã vi phạm khoản 1, 2 Điều 16 của Luật Giao thông đường bộ. Lỗi của bị hại Ngô Phước H điều khiển xe mô tô 75K1-EFI.KG thiếu chú ý quan sát kỹ, không đi về phía bên phải theo chiều đi của mình, đã vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Giao thông đường bộ.

Với hành vi, hậu quả và tính chất lỗi như trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ pháp luật.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Trong quá trình điều tra đã tự nguyện bồi thường các khoản chi phí điều trị cho người bị hại số tiền 221.500.000 đồng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại cũng có phần lỗi. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nói trên quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa người bị hại là anh Ngô Phước H không thể tham gia tố tụng vì tỉ lệ tổn thương cơ thể quá nặng (85%), hiện tại di chứng sọ não, liệt 1/2 người phải, ảnh hưởng vận động chân trái và hậu môn nhân tạo. Vì điều kiện sức khỏe của người bị hại, nên vấn đề bồi thường dân sự do ông Ngô Phước H1 là cha đẻ của anh H trực tiếp thỏa thuận với bị cáo T và bị đơn dân sự (trong khi mẹ anh H đã chết, anh H chưa có vợ, con). Quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Phước H1 có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo T. Về nhân thân bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền sự, tiền án.

Xét nguyên nhân, hậu quả vụ tai nạn và tính chất lỗi, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, vấn đề dân sự trong vụ án đã được các bên tự nguyện thỏa thuận đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội; xét thấy bị cáo có đủ khả năng tự cải tạo, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng phát huy tác dụng của hình phạt và không làm ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh đối với loại tội phạm này.

[2] Về vấn đề dân sự trong vụ án: Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T và bị đơn dân sự bà Trương Thị G đã cùng với ông Ngô Phước H1 là cha đẻ của người bị hại Ngô Phước H thỏa thuận bồi thường tất cả các khoản chi phí điều trị thương tích cho anh H với số tiền là 301.500.000 đồng. Đến nay, bị cáo T đã giao cho ông H1 nhận 221.500.000 đồng; số tiền còn lại 80.000.000 đồng bị cáo T và ông H1 tự nguyện thỏa thuận bị cáo T sẽ giao cho ông H1 nhận thay cho anh H vào 02 đợt: đợt 1 bị cáo T giao cho ông H1 40.000.000 đồng vào ngày 30/4/2018; đợt 2 bị cáo T giao cho ông H1 40.000.000 đồng vào ngày 30/8/2018.

Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận về vấn đề dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội; tại phiên tòa không ai có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự đã thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[3] Về xử lý vật chứng: Ngày 22/3/2017 và ngày 10/11/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe ô tô 75K-ABCD cùng giấy chứng nhận bảo hiểm của xe và xe mô tô 75K1-EFI.KG cho chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp. Trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho Nguyễn Văn T để bồi thường dân sự.

Ngày 22/11/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô 75K-ABCD và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 75K1-EFI.KG cho chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy việc xử lý này là đúng quy định của pháp luật.

Hiện còn tạm giữ giấy phép lái xe của Nguyễn Văn T và giấy phép lái xe của Ngô Phước H. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền sự, tiền án nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Do vậy, trả lại giấy phép lái xe cho bị cáo Nguyễn Văn T và giấy phép lái xe cho anh Ngô Phước H.

[4] Về trách nhiệm chịu án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với án phí dân sự sơ thẩm, do các bên đã tự nguyện thỏa thuận xong trước khi Tòa án mở phiên tòa nên bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T (X) phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/02/2018).

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về vấn đề dân sự trong vụ án: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn T với ông Ngô Phước H1 về việc bị cáo T bồi thường số tiền còn lại 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) cho anh Ngô Phước H vào 02 đợt: đợt 1 bị cáo T giao cho ông H1 40.000.000 đồng vào ngày 30/4/2018; đợt 2 bị cáo T giao cho ông H1 40.000.000 đồng vào ngày 30/8/2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại giấy phép lái xe số 460083000906 cho bị cáo Nguyễn Văn T; trả lại giấy phép lái xe số 460150006585 cho anh Ngô Phước H.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 1 mục I phần A của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn dân sự; người bị hại không thể tham gia phiên tòa có quyền kháng

cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P (02 bản);
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND TT C, huyện P, TT-Huế;
- Bị cáo; bị hại; bị đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Ngọc Tú